

HƯỚNG DẪN

**Tuyên truyền Nghị quyết số 18-NQ/TU, Nghị quyết số 19-NQ/TU,
Nghị quyết số 20-NQ/TU**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung các Nghị quyết của Tỉnh ủy: Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 25/7/2022 “Về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”; Nghị quyết số 19-NQ/TU, ngày 25/7/2022 “Về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”; Nghị quyết số 20-NQ/TU, ngày 25/7/2022 “Về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn tuyên truyền các nghị quyết trên như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh hiểu rõ:

- Vai trò, vị trí của du lịch trong tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh; tạo sự đồng thuận và nhất quán về quan điểm phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về du lịch, gắn với bảo tồn các giá trị tự nhiên, môi trường sinh thái và truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế động lực, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GRDP của tỉnh; tạo ra những sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao, mang thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân, gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương, khu vực kém phát triển, thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác cùng phát triển.

- Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ thường xuyên và có tính chiến lược lâu dài; là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của toàn xã hội.

- Sự vào cuộc quyết liệt, mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị, lấy nguồn lực công là bước đệm, chất xúc tác quan trọng để tập trung đầu tư cho các công trình,

dự án có tác dụng lan tỏa lớn, thật sự cần thiết, cấp bách và các công trình phục vụ an sinh xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

2. Yêu cầu

- Công tác tuyên truyền cần chủ động thông tin kịp thời, khách quan về công tác lãnh đạo, quản lý và thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong Nhân dân; phát huy sức mạnh khối đoàn kết toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn; cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị năm 2022 và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, nhiệm kỳ 2020-2025.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Nghị quyết số 18-NQ/TU về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành du lịch Việt Nam và vùng Tây Nguyên; đồng thời, phù hợp với chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Tuyên truyền các công trình trọng điểm về du lịch (*Khu du lịch Đankia - Suối Vàng, hồ Prenn, núi Sa Pung, hồ Đại Ninh*) và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh.

- Thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng: tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến, đẩy mạnh kết nối du lịch trong nước và quốc tế; sản phẩm du lịch chất lượng cao; sản phẩm du lịch chủ đạo như: Du lịch sinh thái gắn với tham quan, văn hóa (*bao gồm văn hóa bản địa, kiến trúc đặc thù, du lịch tâm linh; văn hóa - văn nghệ đường phố, ...*); du lịch nghỉ dưỡng, giải trí; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch canh nông gắn với quảng bá, tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của địa phương nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh; các hoạt động văn hóa, thể thao kết hợp với phát triển du lịch.

- Việc chuyển đổi số trong ngành du lịch, phát triển các tiện ích du lịch thông minh, quản lý khách du lịch, hoạt động du lịch và tài nguyên du lịch; kiểm soát,

giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số.

2. Nghị quyết số 19-NQ/TU về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; thực trạng, những hạn chế, khuyết điểm của kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập và phát triển.

- Kết quả xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; tập trung vào các nội dung: phân tích, làm rõ những nhân tố khách quan, chủ quan tác động đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; những chính sách kịp thời trong chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, nhất là những giải pháp trọng tâm và kết quả đạt được của việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh uỷ về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

- Tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; tập trung tuyên truyền việc ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đối với những lĩnh vực then chốt, có khả năng tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI với mục tiêu *“Phấn đấu đến năm 2025, Lâm Đồng là tỉnh phát triển khá của cả nước; đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; đến năm 2045, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”*.

- Tuyên truyền, vận động người dân tích cực ủng hộ chủ trương của Nhà nước trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư; tham gia hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Nghị quyết số 20-NQ/TU về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực, trong đó tập trung tuyên truyền Quyết định số 163/QĐ-TTg, ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC giai đoạn 2016 - 2025; Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày

19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Nghị quyết số 20-NQ/TU.

- Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển nguồn nhân lực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động ở các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động để các cấp, các ngành, người dân và đặc biệt là lao động trẻ tiếp cận thực tế nhu cầu của thị trường lao động và định hướng tham gia cơ hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp, gắn với cơ hội việc làm. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu thị trường; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và nâng cao năng suất lao động, thu nhập và xuất khẩu lao động.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

- Kết hợp giữa tuyên truyền trực quan với tuyên truyền trên không gian mạng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận, tạo sự tác động mạnh mẽ tới ý thức của tầng lớp Nhân dân.

- Mở chuyên trang, chuyên mục trên hệ thống phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố, huyện; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử các ngành, địa phương.

- Lồng ghép tại các buổi sinh hoạt chi bộ, hội nghị chuyên đề, buổi sinh hoạt cộng đồng dân cư, họp thôn xóm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực phát triển du lịch chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả.

- Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước các cấp bám sát thực tiễn, dự báo sớm tình hình có thể xảy ra trên địa bàn, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu công nghiệp,...; từ đó chủ động, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo cùng

cấp để làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền và đề xuất các biện pháp xử lý; kiên quyết ngăn chặn không để xảy ra những “điểm nóng” về các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị theo đúng tinh thần Quyết định số 238-QĐ/TW ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư về ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo và quản lý các cơ quan báo chí, truyền thông đưa tin, tuyên truyền về du lịch, nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng trên các trang thông tin điện tử, nhất là trên internet và mạng xã hội; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những vi phạm trong việc đăng tải thông tin, tuyên truyền.

3. Ban Tuyên giáo các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Tuyên giáo (Tuyên huấn) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh:

- Tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo và tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung các Nghị quyết của Tỉnh ủy gắn với nghị quyết, chương trình hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị mình.

- Theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình tư tưởng, tâm trạng trong cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác đối ngoại, xây dựng chính quyền và cải cách hành chính; kịp thời định hướng dư luận xã hội trước các vấn đề phức tạp nảy sinh khi thực hiện các quyết sách về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư, nâng cấp để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương, đơn vị; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc để giải quyết có hiệu quả những vấn đề an ninh xã hội.

- Tổ chức cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của các ngành, địa phương và đơn vị; cung cấp thông tin chính thống, phân tích, hướng dẫn và định hướng dư luận xã hội trước các vấn đề thời sự, chính trị trong nước và quốc tế tác

động đến nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của tỉnh.

4. Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng, các tạp chí, bản tin, trang thông tin điện tử của tỉnh

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền các Nghị quyết của Tỉnh ủy. Chú trọng phân tích, đánh giá, sơ kết theo từng tháng, quý và tổng kết năm; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác, lao động sản xuất; những sáng kiến, cách làm hay trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng; những mô hình hay về phát triển du lịch – dịch vụ; hộ gia đình tham gia hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nâng cao chất lượng thông tin dự báo, phản biện chính sách kinh tế, phân tích diễn biến thị trường của địa phương và trong nước; tăng cường đấu tranh, phản bác các thông tin quan điểm sai trái, thù địch; tuân thủ sự chỉ đạo và sử dụng các nguồn tin chính thức từ các cơ quan có trách nhiệm; chú trọng tính trung thực, khách quan khi khen thưởng, tôn vinh điển hình trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác đối ngoại, công tác chuyển đổi số.

(Gửi kèm các Nghị quyết Tỉnh ủy)

Nơi nhận:

- BTGTW, T79 (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Sở TT-TT, Sở VH,TT&DL,
- BTG (Tuyên huấn) các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH Lâm Đồng,
- Hội Nhà báo tỉnh, Hội VH-NT,
- Lưu VPTU.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị My

NGHỊ QUYẾT**Về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Phần thứ nhất**KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh (*viết tắt là Nghị quyết số 07-NQ/TU*); cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ nên du lịch từng bước khẳng định là ngành kinh tế động lực của tỉnh: Tỷ trọng ngành du lịch - dịch vụ trong GRDP toàn tỉnh đến cuối năm 2021 đạt 38,8%. Giai đoạn 2016 - 2020, tổng thu từ khách du lịch là 52.164 tỷ đồng, chiếm 2% doanh thu từ hoạt động du lịch của cả nước. Thời gian lưu trú của du khách bình quân là 2,1 ngày. Số lượng lao động trực tiếp phục vụ ngành du lịch khoảng 13.000 lao động; trong đó, có 80% số lao động trực tiếp được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Giai đoạn 2016 - 2019, lượt khách du lịch đến Đà Lạt - Lâm Đồng tăng đều mỗi năm với mức tăng trưởng bình quân là 8,9%; lượt khách qua lưu trú tăng bình quân 11,9%; khách quốc tế chiếm 10,1% tổng số khách qua lưu trú. Giai đoạn 2020 - 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên khách du lịch đến Lâm Đồng giảm mạnh, đặc biệt là khách quốc tế. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành du lịch ngày càng nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

Nhận thức của các cấp, ngành, tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch và nhân dân địa phương về vai trò, vị trí ngành du lịch được nâng lên; ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong hoạt động du lịch ngày càng tốt hơn. Công tác quản lý, bảo đảm môi trường tự nhiên - xã hội trong hoạt động du lịch ngày càng thực hiện chặt chẽ, hiệu quả; sự gắn kết giữa các ngành, lĩnh vực với du lịch ngày càng rõ nét. Các doanh nghiệp du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch phục vụ du khách ngày càng có ý thức hơn về đạo đức kinh doanh, văn minh thương mại, phong cách giao tiếp, ứng xử, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Ban hành các chính sách ưu đãi trong đầu tư du lịch, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư, phát huy nguồn lực xã hội phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch, dịch vụ phục vụ khách du lịch. Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú; nhiều sản phẩm và loại hình du lịch mới được đưa vào khai thác, kinh doanh thu hút ngày càng đông du khách như: Du lịch canh nông, du lịch thể thao mạo hiểm,... Chất lượng nguồn nhân lực du lịch nâng cao cả về chuyên môn, nghiệp vụ

và ngoại ngữ; công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch triển khai dưới nhiều hình thức; hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong nước và nước ngoài bước đầu mang lại hiệu quả cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, tồn tại: Một số chỉ tiêu về lượng khách du lịch, số phòng đạt chuẩn cao cấp, ngày lưu trú bình quân chưa đạt yêu cầu Nghị quyết số 07-NQ/TU. Hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch Đà Lạt hiện đang quá tải; thiếu khu vui chơi, giải trí, cơ sở lưu trú cao cấp. Chưa thu hút được tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược, có thương hiệu đầu tư các dự án có quy mô lớn, loại hình mới lạ, hấp dẫn, cao cấp vào địa phương; một số dự án đầu tư du lịch triển khai không đảm bảo tiến độ quy định. Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch đối với thị trường nước ngoài còn hạn chế. Nguồn nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; thiếu đội ngũ lao động có trình độ ngoại ngữ, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo chính quy, chuyên nghiệp phục vụ các dự án du lịch chất lượng cao.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là: Do ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 làm giảm lượng khách du lịch đến Lâm Đồng. Hệ thống giao thông đường bộ, hàng không kết nối với các vùng du lịch trọng điểm của các tỉnh lân cận và trong nước chưa được đầu tư, nâng cấp đúng mức và chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển du khách. Năng lực, kinh nghiệm nhiều nhà đầu tư còn thiếu và yếu. Công tác quản lý nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành du lịch. Một số cơ quan, địa phương, đơn vị chưa chủ động, thiếu giải pháp quyết liệt, cụ thể trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU. Kinh phí tổ chức, tham gia các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch tại thị trường quốc tế trong khi điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế. Hoạt động nhiều cơ sở kinh doanh du lịch còn mang tính nhỏ lẻ, thiếu tính chuyên nghiệp; các doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn thụ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường và chưa có sự đầu tư đúng mức cho phát triển du lịch. Hiệp hội Du lịch tỉnh chưa phát huy đầy đủ vị trí, vai trò trong vận động, tập hợp, liên kết và nâng cao hiệu quả hoạt động của hội viên, doanh nghiệp du lịch trong tỉnh.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CHẤT LƯỢNG CAO ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Phát triển du lịch Lâm Đồng phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành du lịch Việt Nam và vùng Tây Nguyên; đồng thời, phù hợp với chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

1.2. Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về du lịch, gắn với bảo tồn các giá trị tự nhiên, môi trường sinh thái và truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế động lực, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GRDP của tỉnh; tạo ra những sản phẩm du lịch đặc trưng, chất lượng cao, mang thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao sinh kế và chất lượng cuộc sống của người dân, gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương, khu vực kém phát triển, thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác cùng phát triển.

1.3. Phát triển du lịch dựa trên nội lực, sức mạnh tổng hợp các ngành kinh tế và sự tham gia tích cực của người dân; đồng thời, đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, đầu tư, xây dựng, xúc tiến và kinh doanh du lịch với đa dạng loại hình, sản phẩm; chú trọng xây dựng sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang tính đặc thù và lợi thế của tỉnh. Ưu tiên quy hoạch và thu hút đầu tư phát triển các dự án du lịch có quy mô lớn; thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực, kinh nghiệm và thương hiệu trên thị trường du lịch trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

a) Phát triển du lịch Lâm Đồng theo hướng chất lượng cao; xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành đô thị du lịch. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về phát triển du lịch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch; tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi cho phát triển du lịch.

b) Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ phục vụ phát triển du lịch, nhất là tại Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm, các công trình trọng điểm về du lịch (*Khu du lịch Dankia - Suối Vàng, hồ Prenn, núi Sa Pung, hồ Đại Ninh*) và các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh.

c) Tiếp tục xây dựng thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến, đẩy mạnh kết nối du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển mạnh thị trường khách du lịch nội địa trong những năm đầu của thời kỳ chiến lược 2021 - 2030, đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19. Xây dựng và mở rộng các tour, tuyến du lịch trong quan hệ hợp tác liên tỉnh, liên vùng và quốc tế.

d) Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có giá trị gia tăng cao và tăng trải nghiệm cho du khách dựa trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, khác biệt của địa phương, phù hợp với nhu cầu thị trường và giữ gìn cảnh quan bền vững. Khẳng định thương hiệu và nâng cao khả năng cạnh tranh, chất lượng dịch vụ, tập trung thu hút đầu tư có chọn lọc để xây dựng các khu vui chơi, giải trí lớn, hiện đại, các nhà hàng, khách sạn cao cấp. Thực hiện có hiệu quả và phù hợp quy định đối với chính sách cho thuê môi trường rừng để đầu tư, kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Phát triển kinh tế ban đêm, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao kết hợp với phát triển du lịch, tăng thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế của địa phương gắn với phát triển du lịch.

đ) Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong ngành du lịch, phát triển các tiện ích du lịch thông minh, quản lý khách du lịch, hoạt động du lịch và tài nguyên du lịch;

kiểm soát, giám sát và cảnh báo ô nhiễm môi trường trong hoạt động du lịch trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại và nền tảng công nghệ số. Hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch Lâm Đồng phục vụ chuyển đổi số.

e) Phát triển nguồn nhân lực du lịch có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng, có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025:

- Xây dựng, phát triển thành phố Đà Lạt trở thành đô thị du lịch chất lượng cao, hiện đại, đẳng cấp quốc tế; có đặc thù về khí hậu, cảnh quan tự nhiên, văn hóa lịch sử và di sản kiến trúc tầm quốc gia, khu vực và có ý nghĩa quốc tế.

- Lượng khách du lịch đăng ký lưu trú tăng bình quân 9 - 10%/năm; trong đó khách quốc tế chiếm từ 12 - 13% tổng lượng khách qua lưu trú. Ngày lưu trú bình quân của du khách đạt từ 2,5 ngày trở lên.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác các dự án đã chấp thuận đầu tư tại Khu du lịch quốc gia hồ Tuyền Lâm. Đầu tư và đưa vào khai thác 02 công trình trọng điểm: Khu du lịch Đankia - Suối Vàng, Khu du lịch hồ Đại Ninh. Hoàn thành quy hoạch, kêu gọi đầu tư và triển khai đầu tư 02 công trình trọng điểm: Khu du lịch hồ Prenn và Khu du lịch núi Sa Pung và một số dự án du lịch khác thuộc danh mục thu hút đầu tư của tỉnh. Thực hiện quy hoạch một số khu vực có tiềm năng để thu hút phát triển các dự án du lịch chất lượng cao.

- Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cao cấp (*đạt chuẩn 3 - 5 sao*); phấn đấu đến năm 2025, số phòng đạt chuẩn cao cấp đạt khoảng 8.000 phòng, chiếm trên 25% trong tổng số phòng của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch và trên 50% trong tổng số phòng đạt chuẩn 1 - 5 sao trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành và nhân rộng các mô hình khách sạn thông minh 4.0 đối với hệ thống các khách sạn cao cấp từ 4 - 5 sao trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng thí điểm và đưa vào hoạt động 3 - 5 mô hình tham quan, mua sắm, giải trí về đêm tại thành phố Đà Lạt; 2 mô hình tham quan, mua sắm, giải trí về đêm tại thành phố Bảo Lộc. Riêng đối với các huyện còn lại nghiên cứu lựa chọn triển khai thí điểm 01 mô hình tham quan, mua sắm, giải trí về đêm tại địa phương.

- Tăng tỷ lệ khách du lịch có khả năng chi tiêu cao. Đa dạng hóa thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh gắn kết với các hoạt động du lịch.

- Ưu tiên phát triển 04 nhóm sản phẩm chủ lực: Du lịch sinh thái gắn với tham quan, văn hóa; du lịch nghỉ dưỡng, giải trí; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch canh nông. Đa dạng hóa các nhóm sản phẩm hỗ trợ: Chăm sóc sức khỏe, du lịch ẩm thực, du lịch tâm linh.

- Hoàn thiện hệ thống thống kê du lịch; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành du lịch tỉnh kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Thu hút khoảng 15.000 lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch; trong đó có 85% lao động trực tiếp thông qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

- Xây dựng thương hiệu điểm đến “*Lâm Đồng - an toàn, văn minh và thân thiện*”.

b) Định hướng đến năm 2030:

- Lượng khách du lịch qua đăng ký lưu trú tăng bình quân 11 - 12%/năm; trong đó khách quốc tế chiếm 15% tổng lượng khách qua lưu trú. Ngày lưu trú bình quân của du khách đạt từ 2,7 ngày trở lên.

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác các công trình du lịch trọng điểm: Khu du lịch Đankia - Suối Vàng, Khu du lịch hồ Prenn, Khu du lịch núi Sa Pung và một số dự án du lịch lớn thu hút đầu tư trong giai đoạn 2022 - 2025.

- Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cao cấp (*đạt chuẩn 3 - 5 sao*); phấn đấu đến năm 2030 số phòng đạt chuẩn cao cấp đạt khoảng 15.000 phòng, chiếm trên 35% trong tổng số phòng của hệ thống cơ sở lưu trú du lịch và trên 50% trong tổng số phòng đạt chuẩn 1 - 5 sao trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển và phát huy hiệu quả mô hình hoạt động kinh tế ban đêm, nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối các khu, điểm du lịch với hệ thống giao thông của tỉnh.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động kinh doanh du lịch; khai thác có hiệu quả hệ thống du lịch thông minh.

- Thu hút trên 20.000 lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch; trong đó có 90% lao động trực tiếp thông qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Định hướng, quy hoạch phát triển du lịch theo hướng chất lượng cao và bền vững

1.1. Tập trung khôi phục hoạt động kinh doanh du lịch sau dịch Covid-19, định hướng tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch trong tình hình mới.

1.2. Xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí xây dựng và phát triển thành phố Đà Lạt trở thành đô thị du lịch.

1.3. Hoàn thành và triển khai các đề án trọng tâm về du lịch: Đề án cơ cấu lại ngành du lịch Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh; Đề án phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Đà Lạt.

1.4. Quy hoạch và mở rộng không gian du lịch, định hướng phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng theo từng cụm du lịch: Thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận (*thành phố Đà Lạt, các huyện: Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương và Lâm Hà*); thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận (*thành phố Bảo Lộc, các huyện: Di Linh và Bảo Lâm*); các huyện phía Nam (*Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên*).

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển du lịch

2.1. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách phát triển kinh tế ban đêm.

2.2. Tập trung thực hiện quy hoạch các khu vực có tiềm năng về du lịch; xây dựng chính sách thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược có năng lực, thương hiệu, kinh nghiệm đầu tư, kinh doanh du lịch trong và ngoài nước đến đầu tư, phát triển thương hiệu, khai thác kinh doanh du lịch tại Lâm Đồng. Thu hút các dự án lớn đầu tư vào các địa phương có điều kiện; phát triển khách sạn cao cấp ở vùng ven, giảm áp lực giao thông cho thành phố Đà Lạt. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong giải quyết các thủ tục về đầu tư, kinh doanh du lịch.

2.3. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển du lịch; kêu gọi tài trợ kinh phí lập quy hoạch để làm cơ sở thu hút đầu tư các khu vực có tiềm năng; huy động sự tham gia của đội ngũ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến, quảng bá, phát triển thị trường, sản phẩm, xây dựng thương hiệu du lịch Lâm Đồng.

3. Phát triển không gian, sản phẩm du lịch

3.1. Định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo 03 cụm không gian du lịch; trong đó, thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận trở thành đô thị du lịch, trung tâm du lịch của quốc gia và quốc tế; cụm du lịch thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, cụm du lịch các huyện phía Nam trở thành vệ tinh và phát triển các điểm dừng chân, các khu, điểm du lịch gắn với tuyến giao thông chiến lược: Cụm cảng hàng không Liên Khương, Quốc lộ 20, đường Cao tốc Giàu Dây - Tân Phú - Bảo Lộc - Liên Khương, đường cao tốc Đà Lạt - Nha Trang, đường Trường Sơn Đông.

3.2. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo như: Du lịch sinh thái gắn với tham quan, văn hóa (*bao gồm văn hóa bản địa, kiến trúc đặc thù, du lịch tâm linh; văn hóa, văn nghệ đường phố,...*); du lịch nghỉ dưỡng, giải trí; du lịch thể thao mạo hiểm; du lịch canh nông gắn với quảng bá, tiêu thụ nông sản và sản phẩm OCOP của địa phương nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ nghiên cứu và sản xuất sản phẩm tiêu thủ công nghiệp phục vụ du lịch, sản phẩm đặc sản của địa phương.

3.3. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ du lịch; tu bổ, chỉnh trang, khai thác sử dụng hiệu quả danh lam, thắng cảnh; có chiến lược mở rộng và giữ rừng nội ô thành phố Đà Lạt phục vụ du lịch.

3.4. Thu hút các nguồn lực đầu tư để phát triển công nghiệp văn hóa dựa trên các lợi thế đặc thù của tỉnh gắn với phát triển du lịch.

3.5. Phát triển, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao gắn với khai thác phát triển du lịch. Nghiên cứu xây dựng làng du lịch cộng đồng, các khu sinh hoạt văn hóa tập trung phục nhằm quản lý tốt các hoạt động văn hóa gắn với phát triển du lịch.

4. Công tác xúc tiến quảng bá du lịch

4.1. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch; tăng cường nguồn vốn ngân sách trong công tác xúc tiến, quảng bá. Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch và công thông tin điện tử cập nhật thông tin về tiềm năng lợi thế của tỉnh và cơ chế, chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư, ...; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ xúc tiến đầu tư du lịch.

4.2. Xây dựng hình ảnh, định vị thương hiệu: Tiến hành định vị sản phẩm, định vị thị trường; xác định giá trị cốt lõi của du lịch Lâm Đồng; xây dựng cơ sở dữ liệu về thương hiệu và hình ảnh du lịch Lâm Đồng; xây dựng đề án hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch ứng dụng, khai thác và phát huy các giá trị thương hiệu và hình ảnh du lịch Lâm Đồng.

4.3. Chuyển đổi số trong xúc tiến, quảng bá phát triển du lịch: Hoàn thành việc số hóa dữ liệu ngành du lịch Lâm Đồng, ứng dụng công nghệ số trong du lịch; phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp cho khách du lịch tại các địa bàn du lịch trọng điểm; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý du lịch ảo và các công nghệ tiên tiến trong xúc tiến, quảng bá du lịch.

4.4. Liên kết hợp tác phát triển vùng, khu vực: Phối hợp các địa phương vùng: Tây Nguyên, Nam Trung bộ và Đông Nam bộ phát triển các tuyến du lịch liên vùng; liên kết với các tỉnh, thành phố du lịch trọng điểm để kết nối tour, tuyến, thị trường khách và hợp tác trong các hoạt động xúc tiến, truyền thông.

4.5. Phát triển thị trường khách du lịch:

a) Thị trường nội địa: Tập trung khai thác thị trường khách du lịch nội địa truyền thống của tỉnh (*Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ, duyên hải Nam Trung bộ, đồng bằng sông Cửu Long*); từng bước khai thác mở rộng thị trường khách nội địa từ các tỉnh, thành phía Bắc và miền Trung.

b) Thị trường quốc tế: Tiếp tục tập trung thu hút khách du lịch quốc tế đến từ các thị trường truyền thống như các nước ASEAN, Đông Bắc Á, Đông Á,... và mở rộng phát triển các thị trường tiềm năng có lượng khách du lịch đến Lâm Đồng hàng năm tăng nhanh.

5. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch và chất lượng dịch vụ du lịch

5.1. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành du lịch đáp ứng về số lượng và chất lượng cho nhu cầu phát triển du lịch chất lượng cao của tỉnh; đảm bảo tính năng động, chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp, thích nghi nhanh với môi trường công việc.

5.2. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp ứng xử, ngoại ngữ,...; kết hợp giữa lý thuyết, thực hành và trải nghiệm thực tế. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, giúp người lao động có thể chủ động tự học mọi lúc, mọi nơi và tiết kiệm kinh phí; kịp thời nắm bắt, học hỏi xu hướng phát triển của du lịch thế giới.

6. Liên kết, hợp tác phát triển du lịch

6.1. Tập trung triển khai có hiệu quả các chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch đã ký kết với các tỉnh, thành trong nước và mở rộng đến một số tỉnh, thành đang phát triển du lịch.

6.2. Triển khai có hiệu quả các nội dung ký kết hợp tác quốc tế với một số tổ chức, doanh nghiệp du lịch quốc tế; tiếp tục mở rộng ký kết hợp tác, kết nghĩa với một số địa phương nước ngoài có tiềm năng.

6.3. Tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch, nghiên cứu thị trường tại các thị trường trọng điểm như: Thái Lan, Singapore, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc...

7. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch

7.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch, dịch vụ, xây dựng môi trường du lịch bền vững.

7.2. Xây dựng chính sách phối hợp đồng bộ giữa ngành du lịch và các ngành chức năng trên lĩnh vực quản lý du lịch, dịch vụ; tăng cường mối liên kết về quản lý giữa các cơ quan chức năng nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường tại các cơ sở kinh doanh du lịch; tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng và thúc đẩy dịch vụ du lịch phát triển.

7.3. Tăng cường sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phát triển du lịch tỉnh; phát huy hơn nữa vai trò của Hiệp hội Du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt và các hội nghề nghiệp khác trong phát triển dịch vụ du lịch.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tỉnh; các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban cán sự Đảng Bộ VHTTDL,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, tổ chức CT-XH tỉnh,
- Xã hội nghề nghiệp tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận

NGHỊ QUYẾT

**Về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU,
NGÀY 11/11/2016 CỦA TỈNH ỦY**

Qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (*viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU*), với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, quản lý, điều hành, triển khai đồng bộ của chính quyền các cấp, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Nhận thức các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TU đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương được nâng lên, chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng được cải thiện; một số công trình trọng điểm của tỉnh đã, đang triển khai cùng với việc tiếp tục triển khai một số công trình mới, từng bước làm thay đổi căn bản kết cấu hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng mạnh các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc đầu tư kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa tạo được bước chuyển biến đột phá và động lực quan trọng cho sự phát triển; các công trình, dự án đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; phát triển kết cấu hạ tầng một số lĩnh vực chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết, nhất là hạ tầng giao thông kết nối; các địa phương chưa chủ động trong khai thác các nguồn lực phục vụ cho đầu tư kết cấu hạ tầng. Môi trường đầu tư ít hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chiến lược, nhất là đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Việc tranh thủ, huy động các nguồn lực bên ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng còn hạn chế, đang là điểm nghẽn của sự phát triển, nhiều lĩnh vực được xem là thế mạnh của tỉnh như: Du lịch, bất động sản nghỉ dưỡng, giáo dục - đào tạo,...vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư chiến lược.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do các nguyên nhân chủ yếu là: Lâm Đồng là tỉnh có diện tích lớn, địa hình trải dài và bị chia cắt rõ rệt, cách xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, khiến cho việc đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ gặp rất nhiều khó khăn do chi phí đầu tư cao. Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa theo kịp nhu cầu phát triển, chưa tạo ra dư địa,

động lực cho sự phát triển, một số đồ án quy hoạch chậm triển khai. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thách thức, thường kéo dài và ảnh hưởng đến tiến độ của hầu hết các dự án phát triển hạ tầng.

Phần thứ hai
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Đổi mới mạnh mẽ về tư duy, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Huy động sự vào cuộc quyết liệt, mạnh mẽ cả hệ thống chính trị, lấy nguồn lực công là bước đệm, chất xúc tác quan trọng để tập trung đầu tư cho các công trình, dự án có tác dụng lan tỏa lớn, thật sự cần thiết, cấp bách và các công trình phục vụ an sinh xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, tư nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển; đẩy mạnh thu hút đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích các chủ thể trong hoạt động đầu tư.

2. Mục tiêu

Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đối với những lĩnh vực then chốt, có khả năng tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI với mục tiêu “*phấn đấu đến năm 2025, Lâm Đồng là tỉnh phát triển khá của cả nước; đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; đến năm 2045, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương*”.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

1.1. Đầu tư hạ tầng giao thông

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển lĩnh vực giao thông, vận tải giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh để đẩy nhanh thu hút, huy động tối đa nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường kết nối giao thông liên vùng với các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ,...

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hoạt động sản xuất người dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ thể người dân, huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực. Đầu tư hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động sản xuất, như: Đường vào Khu công nghiệp Phú Bình; đường phục vụ khai thác vận chuyển Alumin từ mỏ Tân Rai huyện Bảo Lâm ra Quốc lộ 20; đường giao thông đi khu di dân tự do trên địa bàn huyện Đam Rông,...

- Tiếp tục chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong việc huy động, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư các dự án giao thông trọng điểm có tính chất kết nối liên vùng như: Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, các tuyến Quốc lộ 27 (đoạn K'Rông Nô - Phi Nôm), 55, 27C, ... khôi phục tuyến đường sắt Phan Rang, Tháp Chàm - Đà Lạt, cải tạo nâng cấp ga Đà Lạt; triển khai hệ thống logistics tại huyện Đức Trọng nhằm bảo quản và sơ chế nông sản phục vụ đường bộ và đường hàng không trong những năm tới.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông của thành phố Đà Lạt đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn với phát triển hệ thống giao thông công cộng và giảm thiểu ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại, giao thông kết nối vùng, kết nối liên huyện; đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông phải đồng bộ gắn phát đầu tư nâng cấp vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, ngầm hóa hệ thống điện lưới, viễn thông.

- Phân đầu đến năm 2025, đầu tư hoàn thành giai đoạn 01 đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến quốc lộ 28B, đèo Mimosa và các cầu trên tuyến Quốc lộ 20, đường Trường Sơn Đông; triển khai đầu tư, nâng cấp mở rộng các tuyến Quốc lộ 27, 55, 27C; hoàn thành nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT.721, ĐT.722, ĐT.725, ĐT.729...; đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E, mở thêm các tuyến bay nội địa và quốc tế từ Cảng hàng không Liên Khương đi Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Campuchia...

- Phân đầu đến năm 2030, hoàn thành đồng bộ đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Đà Lạt - Nha Trang, Đà Lạt - Buôn Mê Thuột; nâng cấp mở rộng các tuyến Quốc lộ 27C, 28, 55B, đường Trường Sơn Đông nối dài. Phát triển các trục giao thông đối nội theo các hướng Bắc Nam, Đông Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ. Ưu tiên đầu tư, hoàn thành các tuyến đường tỉnh ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và một số tuyến đường vành đai, đường tránh đô thị cần thiết. Đến năm 2030, các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV- miền núi; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 12 - 20%.

1.2. Hạ tầng thủy lợi

- Tiếp tục đầu tư hoàn thành các công trình thủy lợi như: Hệ thống kênh và hồ Ta Hoét, hồ Đông Thanh, hồ Ka Zam, hồ Hiệp Thuận, hệ thống kênh mương thủy lợi Đa Lây, hồ Nam Phương II gắn với Trung tâm thời trang tơ lụa,...; xây

dựng, sửa chữa, nâng cấp đập, hồ thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, kết nối hồ chứa nước; đến năm 2025, phấn đấu 100% công trình đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo an toàn đập, hồ chứa; 100% hồ chứa lớn được ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành. Phát triển và ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, tưới nhỏ giọt cho rau màu, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao; rà soát giảm diện tích đất lúa kém hiệu quả trong phạm vi phục vụ của các hệ thống công trình thủy lợi để có thêm nguồn nước tưới cho vùng cây công nghiệp, cây trồng cạn, chăn nuôi; điều tra, đánh giá trữ lượng nước ngầm để xây dựng phương án khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn nước ngầm.

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác. Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Đến năm 2025, hỗ trợ phát triển 2.884 công trình trữ nước, xây dựng 86 cống và kiên cố hóa được 64 km kênh mương, góp phần đảm bảo tổng diện tích tưới 150 nghìn ha/214 nghìn ha, đạt khoảng 70% tổng diện tích cần tưới; trong đó, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước khoảng 2.033 ha, đạt 25%; đến năm 2030 mục tiêu tổng diện tích tưới 165 nghìn ha/220 nghìn ha, đạt khoảng 75% tổng diện tích cần tưới, trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 30%.

- Thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi; đến năm 2050, phấn đấu 70% tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả.

1.3. Hạ tầng đô thị

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững. Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững. Tập trung vào quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian, kể cả không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lâm Đồng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, tập trung huy động nguồn lực đầu tư các trục giao thông kết nối giữa các đô thị vệ tinh với thành phố Đà Lạt; đồng thời, từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai ngoài của thành phố Đà Lạt mở rộng, nhằm kết nối toàn bộ các đô thị vệ tinh theo một trục thống nhất.

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Đẩy nhanh việc di dời theo lộ trình các cơ sở sản xuất chế biến, chế tạo, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm các đô thị; thực hiện các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu ô nhiễm bụi, tiếng ồn; chú

trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị.

- Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và yêu cầu phát triển của địa phương. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 19 đô thị (gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 06 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và cụm 03 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 54%; 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị. Đến năm 2030 là 22 đô thị (gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 03 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và 02 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 58,8%; bảo đảm 100% đô thị hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2025, tỷ lệ cấp nước đô thị trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 95%, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt 8 - 12%; đến năm 2030, tỷ lệ cấp nước đô thị trên 90%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt 10 - 15m².

1.4. Hạ tầng du lịch, dịch vụ

Tiếp tục rà soát, đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối đến các khu du lịch trọng điểm của tỉnh gắn với công tác quy hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, lợi thế về du lịch của Lâm Đồng.

1.5. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm xây dựng, phát triển hạ tầng sản xuất, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các dự án nông nghiệp sử dụng vốn đầu tư công và khuyến khích tối đa đầu tư khu vực tư nhân. Ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Đề án được phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát, cải tạo các công trình cấp nước, thay thế các dây chuyền công nghệ xử lý nước tiên tiến; xây dựng các nhà máy cấp nước liên khu vực, có công suất lớn; ưu tiên đầu tư mở rộng từ các công trình cấp nước đã hoạt động bền vững. Đến năm 2025, có 95% dân số được dùng nước hợp vệ sinh với tiêu chuẩn 80 lít/người, ngày đêm; đến năm 2030, có 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, hạn chế sử dụng nước ngầm và ưu tiên sử dụng hoàn toàn nước mặt; hạn chế tối đa xây dựng các công trình cấp nước nhỏ lẻ, các công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ.

- Chương trình nông thôn mới: Đến năm 2025, tỉnh Lâm Đồng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 47 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030, toàn

tỉnh có 60 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

1.6. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp

a. Hạ tầng khu công nghiệp (KCN):

- Tập trung nguồn lực ưu tiên cho đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng thiết yếu tại KCN Lộc Sơn và KCN Phú Hội, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong KCN hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định; không gây tác động xấu đến môi trường; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa,... Đến năm 2025, KCN Lộc Sơn và KCN Phú Hội xây dựng hoàn thành 100% kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quy hoạch phân khu KCN Phú Bình và khu dân cư kề cận KCN Phú Bình; thu hút, lựa chọn nhà đầu tư đầu tư kết cấu hạ tầng của KCN.

b. Hạ tầng cụm công nghiệp (CCN):

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư tại các CCN của tỉnh; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng thực hiện đầu tư tại các CCN, tiến tới lấp đầy diện tích đất công nghiệp tại các CCN trọng điểm của tỉnh. Đến năm 2025, thu hút đầu tư lấp đầy 70% các cụm công nghiệp trọng điểm; hoàn thiện sắp xếp bổ sung các cụm công nghiệp tại các địa phương có tiềm năng; đến năm 2030, thu hút đầu tư, lấp đầy 100% các cụm công nghiệp trọng điểm, 50% các cụm công nghiệp còn lại.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng các khu, cụm công nghiệp để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thu hút các nhà đầu tư tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các CCN; chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu để thu hút đầu tư.

- Nghiên cứu mở rộng, thành lập các CCN mới tại các địa phương có điều kiện phù hợp (*các huyện: Lạc Dương, Di Linh, Cát Tiên*).

1.7. Hạ tầng năng lượng điện

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 28/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch.

- Ưu tiên thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực quốc phòng, an ninh. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp năng suất thấp.

- Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường

điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện. Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

1.8. Hạ tầng thương mại

- Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2025, đầu tư xây dựng mới 10 chợ, hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý 05 chợ, hoàn thành và đưa vào hoạt động 3 siêu thị, 7 trung tâm thương mại; đến năm 2030, tập trung phát triển các mô hình chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu đô thị, khu dân cư mới theo hướng hiện đại, văn minh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện mô hình Doanh nghiệp, Hợp tác xã trực tiếp quản lý chợ; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa, nhất là trung tâm thương mại, siêu thị, các chuỗi bán lẻ hàng hóa tiện ích, chợ truyền thống; cung ứng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, kinh doanh.

1.9. Hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Tập trung rà soát, lập quy hoạch mạng lưới trường lớp từ mầm non đến phổ thông có tầm chiến lược, đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển. Rà soát, đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng công tác dạy và học ở tất cả các cấp trường học. Đến năm 2025, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt trên 82%, trong đó: bậc học mầm non đạt 83 - 85%, cấp tiểu học đạt 87 - 89%, cấp trung học cơ sở đạt 72 - 74%, cấp trung học phổ thông đạt 80 - 82%; đến năm 2030, phần đầu tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh tăng bình quân từ 1 - 2%/năm.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Xây dựng các danh mục dự án, công trình và huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng cao.

1.10. Hạ tầng y tế

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Hoàn thiện mô hình bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh; phần đầu đưa Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng lên hạng I trước năm 2025 và Bệnh viện II Lâm Đồng lên hạng I trước năm 2030; thành lập Bệnh viện Sản Nhi Lâm Đồng trên cơ sở nâng cấp Bệnh viện Nhi Lâm Đồng; 100% các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh thực hiện từ 80% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2025 và từ 90% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2030. Phần đầu 100% Trung tâm Y tế huyện, thành phố hoàn thiện mô hình Trung tâm Y tế theo quy định; 100% các Trung tâm Y tế huyện, thành phố thực hiện từ 80% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2025 và từ 90% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2030.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư lĩnh vực y tế; tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài thông qua các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, phục vụ tốt nhất nhu cầu khám,

chữa bệnh của người dân.

1.11. Hạ tầng khoa học - công nghệ

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương để đầu tư dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lâm Đồng; huy động nguồn lực xã hội hóa trên một số lĩnh vực để hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ tại các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động trong một số ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

1.12. Hạ tầng thông tin - truyền thông

- Mở rộng mạng lưới, phát triển bưu chính trên nền tảng thương mại điện tử và kinh tế số nhằm đẩy mạnh và phát triển dịch vụ logistic phục vụ hậu cần thương mại điện tử tại địa phương; khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ số gắn với bản đồ số đến 100% hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics; ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh doanh; sử dụng chung hạ tầng, mạng lưới chuyên phát, kho vận, phương tiện,... giữa các doanh nghiệp bưu chính nhằm giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo thời gian, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (*trong đó có mạng cáp viễn thông*) tại các khu vực trung tâm hành chính của tỉnh và thành phố, khu vực đô thị (*thành phố, thị trấn và trung tâm các huyện*), khu du lịch; khu, cụm công nghiệp; khu vực các tuyến đường, phố xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa,... nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Triển khai đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, phát triển nền tảng số phục vụ cho hoạt động của chính quyền, người dân và doanh nghiệp. Hợp tác nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo trong môi trường số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu có năng lực tính toán cao và được kết nối đồng bộ để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh, ổn định, dựa trên công nghệ hiện đại và an toàn.

1.13. Hạ tầng văn hóa - thể thao

- Tập trung, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện các Trung tâm văn hóa - thể thao, nhà thiếu nhi nhằm hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân địa phương, du khách; đảm bảo cơ sở vật chất cho việc tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh và của cả nước. Đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ bản cấp tỉnh; 100% các huyện, thành phố trong tỉnh có Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao đạt chuẩn theo quy định; 100% xã, phường, thị trấn, thôn, buôn, tổ dân phố có thiết chế văn hóa - thể thao; 100% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đầu tư, nâng cấp đạt chuẩn vào năm 2030.

- Khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - thể thao; trong đó, ưu tiên đầu tư, phát triển các dự án cung cấp các dịch vụ văn hóa, thể thao mới, lạ, gắn với định hướng phát triển du lịch chất lượng cao của tỉnh.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch

2.1. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch tỉnh đảm bảo tích hợp kịp thời, đầy đủ các quy hoạch ngành, lĩnh vực, nhằm mục tiêu đảm bảo khai thác có hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa những lợi thế của từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương.

2.2. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, rà soát quy hoạch, điều chỉnh và lập mới quy hoạch, lập quy hoạch vùng huyện, quy hoạch phân khu tại các đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

2.3. Tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch trọng điểm của tỉnh: Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện; đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận; quy hoạch chung huyện Đức Trọng...

3. Thu hút và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả

3.1. Tiếp cận, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trong việc bố trí vốn cho các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, đặc biệt là các công trình trọng điểm, cấp bách của tỉnh.

3.2. Đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thuộc các ngành, lĩnh vực; chủ động thu hút các nhà đầu tư có năng lực và tiềm lực để triển khai các dự án lớn; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thể triển khai thu hút đầu tư ngay sau khi công bố danh mục hoặc ngay sau khi có các nhà đầu tư quan tâm, triển khai đầu tư.

3.3. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư; cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí trong quá trình đầu tư; nghiên cứu, xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư, tạo niềm tin, thu hút nhà đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng của tỉnh.

4. Sử dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư

4.1. Đẩy mạnh tiến độ triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai đối với cấp huyện; tập trung rà soát toàn bộ các dự án đầu tư có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; từ đó có giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án giá đất, thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định canh - định cư, triển khai xây dựng công trình đảm bảo theo tiến độ đầu tư được phê duyệt.

4.2. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai đạt hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm khai thác, sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, hiệu quả; hạn chế việc sử dụng đất chồng chéo, lãng phí, kém hiệu quả, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái, kìm hãm phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm công cụ pháp lý hữu hiệu để hỗ trợ quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời làm căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

4.3. Tuyên truyền, vận động người dân tích cực ủng hộ chủ trương của Nhà nước trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư; tham gia hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, KT3.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận

NGHỊ QUYẾT**Về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Phần thứ nhất**KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC
TỈNH LÂM ĐỒNG TRONG THỜI GIAN QUA**

Trong những năm qua, nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 về “*đào tạo, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030*” (viết tắt là *Nghị quyết 09-NQ/TU*) và tập trung lãnh đạo cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) cơ bản đảm bảo số lượng, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Nhiều chỉ tiêu vượt so với Nghị quyết 09-NQ/TU đề ra (như chỉ tiêu: *Tỷ lệ CBCC cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ sau đại học và CBCC cấp xã có trình độ đại học; tỷ lệ CBCCVC được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm,...*). Lực lượng lao động tăng cả về số lượng và chất lượng, lao động làm việc trong các ngành kinh tế đạt khoảng 794.520 lao động, tăng 78.520 lao động so với năm 2015. Tỷ lệ lao động trong các ngành, lĩnh vực đã qua đào tạo đạt 70%; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi đạt dưới 1,2%.

Tuy nhiên, nhìn chung nguồn nhân lực của tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Trình độ, năng lực một bộ phận CBCCVC chưa đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Năng suất, chất lượng lao động còn thấp, cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm; lao động, việc làm và dạy nghề còn nhiều bất cập, đào tạo chưa gắn với nhu cầu sử dụng, có những ngành đào tạo dư thừa, sinh viên ra trường không tìm được việc làm; bên cạnh đó còn có những ngành, lĩnh vực thiếu hoặc không tuyển đủ lao động (*công nghệ thông tin, xây dựng, bác sĩ,...*) dẫn đến một lượng lao động làm việc không theo đúng ngành nghề, chuyên môn được đào tạo, gây lãng phí nguồn lực và sử dụng lao động chưa hiệu quả, năng suất lao động xã hội chậm được cải thiện. Cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao còn bất cập.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế đó là: Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức công tác phát triển nguồn nhân lực; ý thức, trách nhiệm và tinh thần tự giác học tập, rèn luyện trong một bộ phận CBCCVC, người lao động chưa cao; công tác tư vấn đào tạo nghề cho người lao động và việc quản lý nhà nước về đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội còn hạn chế; thiếu cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút, phát triển nguồn nhân lực.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TỈNH LÂM ĐỒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ thường xuyên và có tính chiến lược lâu dài; là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, trách nhiệm của toàn xã hội.

1.2. Phát triển nguồn nhân lực phải dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1.3. Phát triển nguồn nhân lực phải có tầm nhìn dài hạn và có bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, từng lĩnh vực, đảm bảo hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực và theo vùng.

2. Mục tiêu chung

2.1. Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng và cơ cấu hợp lý, chất lượng không ngừng được nâng lên nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển mạnh dịch vụ, du lịch chất lượng cao; phát triển công nghiệp có thể mạnh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị.

2.2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

3.1. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng đội ngũ CBCCVC các cấp có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể sau:

a) Đối với cán bộ, công chức:

- Tỷ lệ CBCC có trình độ sau đại học cấp tỉnh đạt từ 28% trở lên, cấp huyện đạt từ 15% trở lên; tỷ lệ CBCC cấp xã có trình độ đại học đạt từ 65% trở lên.

- Bảo đảm hàng năm, cán bộ, công chức các cấp được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm cấp tỉnh, huyện đạt 80%, cấp xã đạt 60%; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh 01 lần trong nhiệm kỳ.

- Có 25% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công*

chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 20% cán bộ, công chức xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3.

- Phần đầu 100% cán bộ, công chức cấp xã là người Kinh công tác tại vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống được đào tạo và sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

b) Đối với viên chức:

- Hàng năm, ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Có 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

- Có 100% giáo viên mầm non có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 78% giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 85% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong đó 1,0% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 1,5% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phần đầu có 13% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

- Có 60% giảng viên các trường cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên.

- Có ít nhất 90% giảng viên Trường Chính trị tỉnh có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó, có ít nhất 01 cán bộ lãnh đạo - quản lý đạt trình độ tiến sĩ; có ít nhất 80% giảng viên Trường Chính trị tỉnh có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ công tác thường xuyên tại trạm; có từ 15% viên chức là bác sĩ, dược sĩ được đào tạo sau đại học; có 8,5 - 09 bác sĩ/vạn dân, 1,2 - 1,5 dược sĩ đại học/vạn dân.

3.2. Đối với người lao động:

a) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ chiếm 23,6%.

b) Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi dưới 1,2%; trong đó, khu vực thành thị dưới 2%; giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 35.000 lao động theo chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

c) Thu hút khoảng 15.000 lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch dịch vụ; trong đó, có 85% lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp du lịch được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

d) Có 70% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

đ) Có khoảng 63,5% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông, lâm nghiệp.

4. Định hướng đến năm 2030

4.1. Tỷ lệ CBCC có trình độ trên đại học cấp tỉnh đạt từ 30%, cấp huyện đạt từ 20% trở lên; 100% CBCC cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học.

4.2. Có từ 15 - 20% số cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 25 - 35% có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; từ 20 - 25% số cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện dưới 40 tuổi.

4.3. Có 35% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện (*tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi*) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên; 30% cán bộ, công chức cấp xã và 25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3. Có 70% viên chức và 60% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên.

4.4. Có 90% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn (*trình độ đại học trở lên*). Có 100% giáo viên tiểu học có trình độ đạt chuẩn (*trình độ đại học*), trong đó 2% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*trình độ thạc sĩ trở lên*). Có 100% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đạt chuẩn, trong đó 3% giáo viên có trình độ trên chuẩn. Phần đầu có 15% giáo viên trung học phổ thông đạt trình độ thạc sĩ trở lên.

4.5. Có 100% giảng viên Trường Chính trị tỉnh có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, trong đó: 100% cán bộ lãnh đạo - quản lý; 50% lãnh đạo khoa, 50% lãnh đạo phòng quản lý đào tạo - nghiên cứu khoa học và mỗi khoa chuyên môn có ít nhất 01 giảng viên đạt trình độ tiến sĩ; 100% giảng viên Trường Chính trị tỉnh có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.6. Có 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ công tác thường xuyên tại trạm; có 9 - 9,5 bác sỹ/vạn dân; 1,2 - 1,5 dược sỹ đại học/vạn dân; 18% viên chức là bác sỹ, dược sỹ được đào tạo sau đại học.

4.7. Thu hút trên 20.000 lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch; trong đó có 90% lao động trực tiếp thông qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

4.8. 70% số người dân trong độ tuổi lao động biết và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu.

4.9. Có khoảng 65% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền về phát triển nguồn nhân lực

1.1. Các cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực; tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về phát triển nguồn nhân lực, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động ở các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

1.2. Cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong chương trình, kế hoạch hàng năm, 5 năm; gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả.

1.3. Phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác theo dõi, dự báo, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, dịch vụ du lịch và một số ngành, lĩnh vực công nghiệp thế mạnh của tỉnh; nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quyết định số 163/QĐ-TTg, ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCCVC giai đoạn 2016 - 2025.

2.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 10/10/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

2.3. Xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị đảm bảo xác định phù hợp số vị trí việc làm, khung năng lực, cơ cấu ngạch và số lượng người làm việc, đáp ứng yêu cầu tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước và hoạt động của hệ thống chính trị.

2.4. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp, đảm bảo đủ về số lượng, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp; từng bước nâng chuẩn trình độ đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức Trường Chính trị tỉnh đảm bảo các tiêu chí xây dựng trường chuẩn theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2.5. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn và quản lý giỏi, có ý đức và tâm huyết với nghề, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế có trình độ trung cấp, cao đẳng lên trình độ đại học, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế tuyến cơ sở có đủ năng lực chuyên môn thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến cơ sở, nhất là tại các vùng đặc biệt khó khăn.

2.6. Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao bằng nguồn ngân sách nhà nước những người có trình độ đào tạo, học hàm, học vị gồm: Giáo sư; phó giáo sư; tiến sĩ; bác sĩ chuyên khoa II, I; dược sĩ chuyên khoa II, I; bác sĩ nội trú; bác sĩ; dược sĩ (*hệ đại học loại giỏi, xuất sắc*); thạc sĩ, đại học, giáo viên dạy nghề thuộc ngành nghề mà tỉnh có nhu cầu.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực

phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các ngành nghề mà tỉnh có lợi thế

3.1. Thực hiện tốt công tác khảo sát, dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Rà soát, đánh giá, xác định nhu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu và trình độ nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực, địa phương; tăng cường dự báo, xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển những ngành, lĩnh vực có lợi thế. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin về nhu cầu lao động thực tế của các ngành, nghề làm cầu nối trong việc giải quyết quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động để các cấp, các ngành, người dân và đặc biệt là lao động trẻ tiếp cận thực tế nhu cầu của thị trường lao động và định hướng tham gia cơ hội học tập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phù hợp, gắn với cơ hội việc làm. Triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu thị trường; gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và nâng cao năng suất lao động, thu nhập và xuất khẩu lao động.

3.2. Sắp xếp lại và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng đảm bảo tinh gọn, phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực từng ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học, tạo nền tảng cho phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Định hướng các ngành nghề cần đào tạo chuyên sâu cho các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, chú trọng những ngành nghề để phát triển công nghệ thông tin, nông nghiệp, dịch vụ du lịch và một số ngành, lĩnh vực công nghiệp tỉnh có thế mạnh.

Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn trách nhiệm của doanh nghiệp với đào tạo nhân lực để thu hút doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, sử dụng lao động. Tăng cường hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước thực hiện đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

3.3. Tập trung chỉ đạo cụ thể hoá và thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu về y tế. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng, chống có hiệu quả các loại dịch bệnh. Bảo đảm có đủ số lượng y, bác sĩ và trang thiết bị, kỹ thuật để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

3.4. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn:

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thông qua hướng dẫn khoa học kỹ thuật, phương thức sản xuất tiên tiến cho nông dân; đào tạo, phát triển ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp; hướng dẫn khuyến nông, khuyến lâm, triển khai trình diễn các mô hình sản xuất mới.

b) Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ và tổ chức đào tạo nghề ở khu vực nông thôn và vùng dân tộc thiểu số; thu hút, sử dụng sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tham gia xây dựng nông thôn mới, quản lý hợp

tác xã, trang trại.

3.5. Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ:

a) Phát triển nguồn nhân lực du lịch đảm bảo cơ cấu hợp lý về số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập. Có chính sách nâng cao chất lượng nhân lực du lịch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch nhằm góp phần quảng bá điểm đến và hình ảnh du lịch địa phương.

b) Quan tâm hỗ trợ công tác đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn, kiến thức, kỹ năng quản lý cho cán bộ, người lao động phục vụ trong ngành du lịch theo hướng đạt chuẩn quốc gia và quốc tế. Tăng cường các hình thức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn giúp lao động du lịch gián tiếp trở thành những người lao động du lịch bán chuyên nghiệp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả, thực chất Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch.

3.6. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phổ cập khả năng chuyển đổi số.

4. Xây dựng, thực hiện tốt các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

4.1. Điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, phát triển nguồn nhân lực; tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy, thu hút, giữ chân những cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc tại các trường nghề, cao đẳng, đại học trong và ngoài nước đến làm việc tại Lâm Đồng; khai thác các nguồn nhân lực chất lượng cao hiện có tại các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của từng địa phương, cơ quan, đơn vị trong công tác phát triển nguồn nhân lực.

4.2. Xây dựng và thực hiện hiệu quả chế độ thưởng và hỗ trợ thu hút đối với CBCCVV nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghệ thông tin để triển khai hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; khuyến khích, tạo điều kiện cho CBCCVV tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

4.3. Xây dựng kế hoạch đào tạo chuyên gia trình độ cao ở các lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh như: Du lịch, nông nghiệp, công nghệ sinh học,... Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực mà xã hội đang cần như: Dịch vụ pháp lý, tư vấn lập dự án, quy hoạch và quản lý quy hoạch, xây dựng, y tế,...

4.4. Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp để doanh nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất gắn với đào tạo, sử dụng lao động.

4.5. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các đối tượng chính sách và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề.

4.6. Chú trọng thu hút, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tập đoàn lớn đầu tư vào tỉnh tạo môi trường làm việc, đồng thời thu hút nhân lực chất lượng cao về làm việc tại tỉnh. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ các lĩnh vực; khuyến khích phát triển các hình thức đào tạo trực tiếp tại các doanh nghiệp, đào tạo theo đơn đặt hàng của các nhà đầu tư nhằm phát huy vai trò của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu của địa phương.

4.7. Hàng năm, bố trí một phần trong tổng chi thường xuyên ngân sách của tỉnh, kết hợp với huy động các nguồn lực trong các doanh nghiệp, của xã hội để thực hiện việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch hướng dẫn việc học tập, quán triệt; đồng thời chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình cụ thể trong từng lĩnh vực, cơ quan, đơn vị.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, Xã hội nghề nghiệp tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận